

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/HS-PT
Ngày: 14 – 10 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quí

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trinh
Ông Phạm Lâm Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Sương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 116/2019/TLPT-HS ngày 01 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn M1 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2019/HSST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn M1, sinh năm 1965 tại Hậu Giang. Nơi cư trú: Số 12/8B đường A, phường H1, quận N1, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự quận R, thành phố Cần Thơ; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (c) và bà Nguyễn Thị N2 (c); Vợ là Trần Thị N3, sinh năm 1961 và có 02 người con (lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1991); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**** Người bào chữa cho bị cáo:***

- Luật sư **Phạm Khắc Phương** – Văn phòng luật sư Phạm Khắc Phương thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

*** Bị cáo Trần Đăng Quý M2**, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M1 – Chi cục trưởng và Trần Đăng Quý M2 – Kế toán Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) quận N1, thành phố Cần Thơ. Trong quá trình quản lý, sử dụng nguồn tiền phí thi hành án, hỗ trợ xác minh điều kiện thi hành án đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập chứng từ không để rút tiền sử dụng cá nhân, cụ thể:

1. Lập khống chứng từ mua sắm tài sản cho cơ quan:

Theo Công văn số: 294/CTHADS-VP ngày 28/3/2016 và Công văn số: 798/CTHADS-VP ngày 19/9/2016 của Cục THADS thành phố Cần Thơ, đồng ý cho Chi cục THADS quận N1 dùng nguồn tiền “Phí thi hành án dân sự” mua 08 máy điều hòa nhiệt độ, 05 tủ đựng tài liệu, 06 bộ bàn ghế làm việc, 02 máy tính để bàn, 01 băng ghế chờ, 01 cây nước và 01 máy hủy tài liệu để phục vụ công tác thi hành án. Trong quá trình thực hiện, Nguyễn Văn M1 đã chỉ đạo Trần Đăng Quý M2 lập khống chứng từ để chiếm đoạt các khoản tiền như sau:

1.1. Mua khống 04 máy điều hòa nhiệt độ chiếm đoạt 36.200.000 đồng

- Tháng 4 năm 2016, Nguyễn Văn M1 chỉ đạo Trần Đăng Quý M2 lập hồ sơ mua 04 máy điều hòa nhiệt độ với Công ty TNHH P- địa chỉ: 21C quốc lộ 91B, quận N1 (gọi tắt Công ty P), gồm: Hợp đồng kinh tế, Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; Ủy nhiệm chi của Chi cục Thi hành án trả 40 triệu cho Công ty P; Công ty P nhận tiền và xuất hóa đơn... Theo đó, Công ty P sẽ bán và lắp đặt cho Chi cục THADS quận N1 04 máy điều hòa nhiệt độ trị giá 40 triệu đồng. Sau khi hoàn tất các thủ tục mua bán trên, nhân viên Công ty P đến lắp đặt 04 máy điều hòa thì Nguyễn Văn M1 chỉ đạo chỉ lắp 02 cái, còn 02 cái không lắp mà chỉ đạo kế toán Trần Đăng Quý M2 đến Công ty P lấy tiền mặt. Trần Đăng Quý M2 đã đến Công ty P rút được 17.600.000 đồng (trừ lại 12% tiền thuế, tiền hoa hồng là 2.400.000 đồng) mang về đưa cho Nguyễn Văn M1 sử dụng cá nhân.

- Tháng 9 năm 2016, Nguyễn Văn M1 chỉ đạo Trần Đăng Quý M2 hoàn chỉnh hồ sơ mua 04 máy điều hòa nhiệt độ của cửa hàng Đ, địa chỉ ở phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Hồ sơ gồm: Hợp đồng kinh tế, Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; Ủy nhiệm chi 40 triệu cho cửa hàng Đ; cửa hàng Đ đồng ý và xuất hóa đơn... Theo đó, cửa hàng Đ bán và lắp đặt cho Chi cục THADS quận N1 04 máy điều hòa nhiệt độ trị giá 40 triệu đồng. Tuy nhiên, khi nhân viên cửa hàng đến lắp đặt 04 máy điều hòa nhiệt độ thì Nguyễn Văn M1 chỉ đạo chỉ lắp 02 cái, còn 02 cái không lắp mà yêu cầu kế toán Trần Đăng Quý M2 đến cửa hàng Đ lấy lại tiền mặt. Trần Đăng Quý M2 đã đến cửa hàng Đ rút được 18.600.000 đồng (đã trừ 1.400.000 đồng tiền thuế), mang về đưa cho Nguyễn Văn M1 sử dụng.

Như vậy, 02 lần khống chứng từ mua bán 04 máy điều hòa nhiệt độ, Nguyễn Văn M1 đã chiếm đoạt sử dụng cá nhân 36.200.000 đồng. Trần Đăng Quý M2 khai mỗi lần mang tiền về đưa cho Nguyễn Văn M1 thì được cho lại 5.000.000 đồng, hai lần thành 10.000.000 đồng.

1.2. Mua khống 05 tủ đựng tài liệu chiếm đoạt 19.824.000 đồng.

Tháng 5 năm 2016, Nguyễn Văn M1 và Trần Đăng Quý M2 chọn Trung tâm nội thất G- địa chỉ: phường An Nghiệp, quận N1, thành phố Cần Thơ cung cấp 05

tủ đựng tài liệu, 05 bộ bàn ghế làm việc, 01 ghế băng chờ, tổng số tiền phải thanh toán 55.000.000 đồng. Nguyễn Văn M1 chỉ đạo Trần Đăng Quý M2 hoàn chỉnh đầy đủ bộ hồ sơ gồm: Hợp đồng mua bán; Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; Ủy nhiệm chi 55.000.000 đồng chuyển cho Trung tâm nội thất G; nội thất G ký xuất hóa đơn... Theo đó, nội thất G sẽ bán cho Chi cục THADS quận N1 05 tủ đựng tài liệu, 05 bộ bàn ghế làm việc, 01 ghế băng chờ tổng trị giá 55.000.000 đồng. Sau khi hoàn thành các thủ tục chứng từ mua, bán và chuyển tiền thì Nguyễn Văn M1 chỉ đạo không mua 05 tủ đựng tài liệu trị giá 25.000.000 đồng mà yêu cầu kế toán Trần Đăng Quý M2 đến Trung tâm nội thất G lấy lại tiền mặt. Trần Đăng Quý M2 đã đến nội thất G rút được 19.824.000 đồng (đã trừ tiền thuế VAT và tiền % hoa hồng), mang về đưa cho Nguyễn Văn M1 sử dụng.

Tài liệu điều tra xác minh: Việc lập không chứng từ mua bán 04 máy điều hòa, 05 tủ đựng tài liệu là do Nguyễn Văn M1 chỉ đạo kế toán Trần Đăng Quý M2 thực hiện. Các Công ty TNHH P, cửa hàng Đ và Trung tâm nội thất G không biết thủ đoạn lập không chứng từ này, họ ký hợp đồng bán hàng và các thủ tục thanh toán là ngay thẳng. Đến khi bên mua thông báo không mua đủ hàng như hợp đồng mới biết là không mua đủ hàng, nhưng vì đã xuất hóa đơn không hủy được nên bên bán trả lại tiền mặt (đã trừ thuế VAT nộp ngân sách). Những người bán hàng không đồng phạm với các bị can chiếm đoạt tiền.

2. Lập không chứng từ sửa chữa tài sản để chiếm đoạt 53.570.996 đồng

Từ nguồn tiền “Phí thi hành án dân sự”, trong thời gian tháng 3/2016 đến 12/2016, Chi cục trưởng Nguyễn Văn M1, kế toán Trần Đăng Quý M2 đã lập không 13 chứng từ chi mua sắm, thay thế thiết bị điện, sửa chữa thiết bị tin học để chiếm đoạt số tiền 53.570.996 đồng. Theo Trần Đăng Quý M2 khai (phù hợp với các chứng từ không đã thu thập được): Việc lập chứng từ không này để bù trừ vào số tiền mà trước đó đã chi cho Nguyễn Văn M1- Chi cục trưởng, gồm: mua bộ máy vi tính cho gia đình ông M1 19.742.000 đồng; mua bia cho ông M1 tiếp khách cá nhân 460.000 đồng; trừ vào các khoản tạm ứng đứng tên Trần Đăng Quý M2 25.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim L2 8.300.000 đồng (lời khai Trần Đăng Quý M2, Nguyễn Thị Kim L2: Họ chỉ đứng tên tạm ứng, nhận tiền rồi đưa hết cho Nguyễn Văn M1 sử dụng, phù hợp với nội dung giấy đề nghị tạm ứng ghi chi ông M1 tiếp khách. Còn việc chi như thế nào thì không biết). Sau đó, Nguyễn Văn M1 chỉ đạo kế toán lập không các chứng từ sửa chữa tài sản để hoàn tiền đã ứng cho cơ quan (bút lục: 49 - 51, 139, 173, 292, 627, 670).

3. Dùng nguồn tiền “Phí thi hành án dân sự” thanh toán mua tài sản sử dụng cá nhân

- Cuối tháng 12/2016, theo chỉ đạo của Nguyễn Văn M1, Trần Đăng Quý M2 liên hệ với Công ty cổ phần F ở phường An Phú, quận N1 để mua 02 máy in nhãn hiệu Ricoh Sp 210 SU giá trị mỗi máy in 3.300.000 đồng. Một máy in được lắp đặt tại phòng kế toán Chi cục THADS quận N1, 01 máy in đem lắp đặt cho gia đình ông Nguyễn Văn M1 sử dụng cá nhân. Do quy trình, thủ tục mua 02 máy in mới phải làm tờ trình xin Cục THADS thành phố Cần Thơ, để tránh việc phải báo cáo cấp trên, ngày 18/01/2017 Nguyễn Văn M1 đã chỉ đạo lập hợp đồng kinh tế số

10/HĐKT/2017 giữa Chi cục THADS quận N1 và Công ty cổ phần F, nội dung: Mua linh kiện máy tính với trị giá 6.600.000 đồng (thay cho việc ghi mua 02 máy in). Sau đó, Nguyễn Văn M1 ký Ủy nhiệm chi 6.600.000 đồng cho Công ty F; lập Biên bản bàn giao - nghiệm thu - thanh lý việc “Mua linh kiện máy tính” theo quy định. Công ty F đã lắp đặt đủ 01 máy in Ricoh Sp 210 SU cho phòng kế toán Chi cục THADS quận N1, 01 máy lắp đặt cho gia đình Nguyễn Văn M1 sử dụng. Ngày 05/01/2018, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ra quyết định thu giữ 01 bộ máy vi tính để bàn nhãn hiệu Dell, 01 máy in nhãn hiệu Ricoh Sp 210 SU tại gia đình bị can Nguyễn Văn M1 để giao cho Chi cục THADS quận N1 quản lý.

- Ngày 20/12/2016, Nguyễn Văn M1 mang xe máy cá nhân biển kiểm soát 65X2-4418 đến Công ty TNHH H - địa chỉ: phường An Hội, quận N1 sửa chữa. Khi thanh toán Nguyễn Văn M1 yêu cầu ghi hóa đơn giá trị gia tăng cho Chi cục THADS quận N1 thanh toán, số tiền 1.630.000 đồng. Sau đó Nguyễn Văn M1 lập phiếu đề nghị Chi cục THADS thanh toán, đồng thời cũng là người ký, duyệt chi để chuyển kế toán, thủ quỹ đơn vị thanh toán. Ngày 29/12/2016, Nguyễn Văn M1 đã nhận đủ số tiền 1.630.000 đồng theo phiếu chi số 236 của Chi cục THADS quận N1. Bị can M1 khai thanh toán theo chế độ mỗi năm cán bộ được cơ quan hỗ trợ 500.000 đồng sửa chữa xe máy cá nhân. Tuy nhiên, tiền hỗ trợ sửa xe máy cá nhân năm 2016 bị can Nguyễn Văn M1 đã lĩnh 500.000 đồng theo danh sách ký nhận ngày 25/8/2016.

4. Lập khống chứng từ tiếp khách để chiếm đoạt tiền

Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2016, Chi cục THADS quận N1 được Cục THADS thành phố Cần Thơ duyệt chi nguồn “Hỗ trợ xác M1 điều kiện thi hành án” số tiền 125.000.000 đồng để hỗ trợ các Chấp hành viên xác minh điều kiện thi hành án (40.000đồng/vụ). Trong quá trình sử dụng nguồn tiền này, Nguyễn Văn M1 chỉ đạo Trần Đăng Quý M2 lập 04 chứng từ tiếp khách khống để chiếm đoạt tiền, nội dung các chứng từ ghi: “*Chú M1 tiếp khách*”. Tổng số tiền lập khống 21.434.500 đồng đưa cho Nguyễn Văn M1 sử dụng. Cục THADS thành phố Cần Thơ phát hiện đã yêu cầu truy thu các khoản tiền lập khống này.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Văn M1, Trần Đăng Quý M2 chiếm đoạt là 135.959.496 đồng. Các khoản tiền bị chiếm đoạt này được lập chứng từ đầy đủ, hợp lệ đã được Cục THADS thành phố Cần Thơ duyệt quyết toán năm 2016. Đến 7/2017, Đoàn phúc tra của Cục THADS thành phố Cần Thơ kiểm tra thì phát hiện vi phạm. Mặc dù, Trần Đăng Quý M2 khai chi được nhận 10.000.000 đồng nhưng Nguyễn Văn M1 và Trần Đăng Quý M2 phải chịu trách nhiệm chung về số tiền chiếm đoạt. Trong đó, Nguyễn Văn M1 giữ vai trò chủ mưu, Trần Đăng Quý M2 giữ vai trò người thực hiện tích cực. Nguyễn Văn M1 đã nộp lại 93.184.998 đồng và Trần Đăng Quý M2 nộp 51.650.498 đồng.

Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã trưng cầu giám định tự dạng, kết luận chữ ký, chữ viết trên các chứng từ khống mua máy điều hòa, tủ đựng tài liệu, tiếp khách... đều là chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn M1.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn M1 cho rằng Trần Đăng Quý M2 lợi

dụng sơ suất của Nguyễn Văn M1 để trình ký các chứng từ không; Nguyễn Văn M1 lúc nhận, lúc khác không thừa nhận các chữ ký, chữ viết trên chứng từ không là của mình. Căn cứ tài liệu điều tra như: Các chứng từ lập không mua tài sản có chữ ký, chữ viết duyệt chi của Nguyễn Văn M1; Chứng từ; Sửa xe máy cá nhân, mua máy tính bằng tiền cơ quan sử dụng cho gia đình; Biên bản và Kết luận phúc tra của Cục THADS thành phố Cần Thơ; Báo cáo tài sản cố định năm 2016 của Chi cục THADS quận N1 do Nguyễn Văn M1 ký đều thống kê đầy đủ các tài sản mua không; lời khai của cán bộ công chức Chi cục THADS quận N1 về những vi phạm có hệ thống của Nguyễn Văn M1; tài sản mua không loại công kênh, dễ nhận biết... thấy lời khai Nguyễn Văn M1 là không có căn cứ, nhằm trốn tránh trách nhiệm; Trần Đăng Quý M2 khai báo thành khẩn, thừa nhận các hành vi phạm tội phù hợp với kết quả điều tra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 114/2019/HSST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M1 phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, Điều 17, Điều 38, điểm b, s, v, x khoản 1 khoản 2 Điều 51, điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn M1 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn M1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt đối với bị cáo Trần Đăng Quý M2 02 năm 06 tháng tù về tội “Tham ô tài sản”; tuyên phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm,

Vào ngày 02/7/2019, bị cáo Nguyễn Văn M1 ký đơn kháng cáo xin được giảm hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo, vợ cũng đang bị bệnh; có bà nội là mẹ Việt Nam Anh Hùng.

Vào ngày 04/7/2019, Trần Đăng Quý M2 ký đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo đến ngày 08/10/2019 Trần Đăng Quý M2 có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn M1 thừa nhận hành vi phạm tội và không bổ sung thêm chứng cứ về các tình tiết mới. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo bổ sung các giấy tờ liên quan đến quá trình điều trị bệnh của bị cáo. Bị cáo yêu cầu được nhận lại 01 bộ máy vi tính và máy in mà bị cáo đã giao nộp.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo, đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tuy nhiên, chưa xem xét đến hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của bị cáo, bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo nếu phải chấp hành hình phạt tù thì không đảm bảo điều kiện chữa trị bệnh tốt nhất, vợ của bị cáo cũng đang bị bệnh và bị cáo có bà nội được phong tặng Mẹ Việt Nam Anh Hùng nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tính răn đe giáo dục bị cáo và

phòng ngủ chung trong xã hội. Đối với 01 máy vi tính để bàn, 01 màn hình và 01 máy in đã thu giữ do bị cáo giao nộp; bị cáo đã nộp lại khoản tiền tham ô tài sản trong đó có số tiền đã mua dàn máy vi tính và máy in nêu trên nên đề nghị cho bị cáo được nhận lại tài sản nêu trên.

Kiểm sát viên nhận định: Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm đã tuyên có căn cứ và đúng pháp luật; mức hình phạt đã tuyên là phù hợp, đã có xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cho bị cáo nên mức án đã tuyên là không cao. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không bổ sung thêm chứng cứ về các tình tiết mới, các lý do kháng cáo nêu trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm đã được xem xét ở cấp sơ thẩm nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với yêu cầu được nhận lại 01 bộ máy vi tính để bàn và 01 máy in, đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu này của bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng.

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án; thừa nhận bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo nguyên là Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự quận N1, trong thời gian làm Chi cục trưởng bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao đã chỉ đạo lập chứng từ khống để mua 04 máy điều hòa nhiệt độ, 05 tủ đựng tài liệu; lập khống chứng từ sửa chữa tài sản, chứng từ tiếp khách để chiếm đoạt số tiền 135.959.496 đồng từ nguồn tiền phí thi hành án và hỗ trợ xác minh điều kiện thi hành án của đơn vị sử dụng vào mục đích cá nhân. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ. Ngoài ra, số tiền phạm tội của bị cáo trên 50.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng điểm d khoản 2 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 là thiếu sót, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến tài sản của nhà nước; bản thân bị cáo là thủ trưởng đơn vị nhưng không biết nêu gương mà thực hiện hành vi phạm tội, đã chỉ đạo rút tiền ngân sách nhà nước cho bị cáo chi xài cá nhân nên cần có mức án thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên mức án đã tuyên đối với bị cáo là không cao.

[3]. Bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung thêm chứng cứ về các tình tiết mới để được xem xét, các lý do kháng cáo của bị cáo đã được xem xét ở cấp sơ thẩm; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo bổ sung các giấy tờ chứng minh đang điều trị bệnh, có bà nội được phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh Hùng thuộc tình tiết

giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và sẽ được xem xét trong quá trình thi hành án nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Đối với 01 bộ máy vi tính và 01 máy in, đây là tài sản bị cáo dùng tiền của ngân sách nhà nước để mua sử dụng cá nhân, bị cáo đã bồi thường thiệt hại trong đó có số tiền bị cáo đã sử dụng để mua tài sản này nên bị cáo yêu cầu được nhận lại là phù hợp. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã xử lý giao tài sản này cho Chi cục Thi hành án quận N1 nhưng bị cáo không có yêu cầu nhận lại và phần xử lý vật chứng của vụ án đã có hiệu lực thi hành nên giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu này của bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M1 phạm tội “Tham ô tài sản”

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, Điều 17, Điều 38, điểm b, s, v, x khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M1 03 (ba) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại TP. HCM;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan tổ tụng quận Ninh Kiều;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hoàng Quý